

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Phạm Đức Hiếu và Vũ Quang Trọng** - Đại dịch covid-19 và chất lượng thông tin lợi nhuận kế toán của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 3
The COVID-19 Pandemic and Earnings Information Quality of Vietnamese Listed Firms
- 2. Lê Mạnh Hùng và Vũ Thị Kim Anh** - Xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu suất công việc trong thực thi công vụ tại văn phòng Ủy Ban Dân tộc của Việt Nam theo mô hình thẻ điểm cân bằng. **Mã số: DB2.1BAcc.12** 16
Building the Key Performance Indicators for Measuring Work Performance in Public Service Execution at the Office of the Committee for Ethnic Minority Affairs of Vietnam Using the Balanced Scorecard Model
- 3. Phạm Đình Tuấn, Nguyễn Thành Cường và Đoàn Ngọc Phi Anh** - Ảnh hưởng của vận dụng kỹ thuật kế toán quản trị đương đại đến thành quả doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 33
The Impact of Contemporary Management Accounting Practices on Firm Performance in Viet Nam Enterprises
- 4. Lại Thị Thu Thủy** - Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán ESG: nghiên cứu tại Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 46
Factors Affecting ESG Audit Quality: A Study In Vietnam

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Vũ Thị Thanh Huyền và Nguyễn Thị Thanh Phương** - Các yếu tố ngẫu nhiên tác động đến mức độ áp dụng kế toán quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp khách sạn Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 63
The Level of Deployment of Strategic Management Accounting in Vietnamese Hotel Enterprises: A Research on Contingency Factors
- 6. Hoàng Thị Bích Ngọc** - Nghiên cứu mức độ sẵn sàng thực hiện phân tích lợi nhuận đa chiều của các ngân hàng thương mại Việt Nam. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 77
The Research on the Readiness to Implement Multi-Dimensional Profit Analysis of Vietnamese Commercial Banks

- 7. Bùi Thị Ngọc, Hoàng Thị Việt Hà và Nguyễn Thị Thanh** - Tác động của quản trị công ty đến chất lượng lợi nhuận: nghiên cứu tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 92
The Impact of Corporate Governance on Earnings Quality: A Study of Listed Companies in the Vietnamese Stock Market
- 8. Hoàng Hà Anh** - Tác động của cấu trúc sở hữu đến quản trị lợi nhuận theo biên kế toán dồn tích: nghiên cứu các doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 108
The Impact of Ownership Structure on Accrual-Based Earnings Management: The Case of Manufacturing Listed Enterprises in Vietnam
- 9. Nguyễn Quỳnh Trang** - Ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 121
Impact of Foreign Ownership on Profitability of Listed Joint Stock Commercial Banks in Vietnam
- 10. Nguyễn Thị Huyền Trang và Nguyễn Hữu Ánh** - Ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị tới điều chỉnh lợi nhuận tại các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với vai trò điều tiết của quy mô doanh nghiệp. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 137
The Impact of Board Characteristics on Earnings Management at Non-Financial Listed Companies in the Vietnamese Stock Market With the Moderating Role of Firm Size
- 11. Nguyễn Thị Thu Hương và Tô Thị Vân Anh** - Sử dụng kế toán quản trị môi trường hướng tới hiệu quả môi trường - nghiên cứu tại các doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 151
Environmental Management Accounting Usage Toward Environmental Efficiency in Vietnamese Pharmaceutical Companies

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 12. Phạm Thanh Hương** - Kế toán tiền mã hóa - thực trạng và một số khuyến nghị chính sách. **Mã số: DB2.3BAcc.32** 169
Cryptocurrency Accounting Current Practices and Policy Recommendations
- 13. Nguyễn Văn Bầy, Phan Thanh Hải và Phan Huy Tâm** - Ứng dụng máy học trong giải thích các nhân tố quyết định quản lý tồn kho. **Mã số: DB2.3BAcc.32** 188
Machine Learning Approaches for Explaining Determinants of The Inventory Management

ẢNH HƯỞNG CỦA VẬN DỤNG KỸ THUẬT KẾ TOÁN QUẢN TRỊ ĐƯƠNG ĐẠI ĐẾN THÀNH QUẢ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Phạm Đình Tuấn *

Email: tuanpd@ntu.edu.vn

Nguyễn Thành Cường *

Email: cuongnt@ntu.edu.vn

* Trường Đại học Nha Trang

Đoàn Ngọc Phi Anh

Email: phianhdn@due.edu.vn

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Ngày nhận: 20/08/2024

Ngày nhận lại: 07/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/10/2024

Nghiên cứu xem xét tác động của vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị đương đại đến thành quả tài chính và phi tài chính dựa trên dữ liệu phân tích từ 247 doanh nghiệp vừa và lớn tại Việt Nam. Nghiên cứu phân tích dữ liệu thông qua kiểm định mô hình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng tích cực đồng thời đến thành quả tài chính và phi tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, kết quả còn cho thấy việc vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng gián tiếp tích cực đến thành quả tài chính thông qua trung gian là thành quả phi tài chính. Vì vậy, nghiên cứu khuyến nghị các doanh nghiệp nên có lộ trình cụ thể để áp dụng những kỹ thuật KTQT đương đại phù hợp với bối cảnh hoạt động nhằm tăng cường thành quả doanh nghiệp.

Từ khóa: Doanh nghiệp vừa và lớn, kế toán quản trị đương đại, thành quả tài chính, thành quả phi tài chính.

JEL Classifications: M41.

DOI: 10.54404/JTS.2024.DB2.03

1. Đặt vấn đề

Kế toán quản trị (KTQT) đóng vai trò chính trong tổ chức giúp tăng cường hiệu quả cho việc ra quyết định, hướng dẫn phát triển chiến lược và đánh giá các chiến lược hiện có, cho phép doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm

chất lượng với giá cả cạnh tranh, nhờ đó các doanh nghiệp có thể duy trì vị thế cạnh tranh và thị phần của mình. Từ những năm 1980, sự phát triển của khoa học công nghệ và toàn cầu hóa đã khiến cho những kỹ thuật KTQT truyền thống không còn hoạt động hiệu quả

và làm giảm dần hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, một số kỹ thuật KTQT mới được phát triển nhằm bù đắp những điểm hạn chế của những kỹ thuật KTQT truyền thống và đáp ứng yêu cầu quản lý trong môi trường kinh doanh hiện đại. Tuy nhiên, ảnh hưởng của việc vận dụng KTQT đương đại đến thành quả cho thấy những kết quả trái chiều, bao gồm những tác động tích cực (Baines và Langfield-Smith, 2003; Afonina, 2015; Cleary, 2015; Nuhu và cộng sự, 2016; Vărzaru và cộng sự, 2022), tiêu cực (Ittner và Larcker, 1997; Ittner và cộng sự, 2003), hoặc không ảnh hưởng rõ ràng (Asmilia và Sugiyarti, 2020; Kober và cộng sự, 2012). Những bằng chứng trái chiều đã thúc đẩy nhu cầu cần làm rõ ảnh hưởng của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả doanh nghiệp, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam là mô hình kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nên trong phương pháp quản lý và điều hành vẫn còn theo phong cách quản trị theo cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung trước đây (Thái Anh Tuấn, 2019). Các doanh nghiệp chưa thực sự xem trọng việc vận dụng các kỹ thuật KTQT phục vụ cho hoạt động quản lý trong doanh nghiệp (Nguyễn Thị Phương Dung và cộng sự, 2021). Đồng thời mức độ quan tâm về tác động của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả chỉ dừng lại ở việc xem xét ảnh hưởng ở khía cạnh thành quả tài chính hoặc tổng hợp, nhưng chưa có nhiều nghiên cứu xem xét ở khía cạnh thành quả phi tài chính. Trong khi việc đo lường thành quả phi tài chính đang trở thành mối quan tâm hàng đầu bởi khả năng tạo ra sự khác biệt

trong cạnh tranh dựa trên việc quản lý những nguồn lực vô hình trong tổ chức, đặc biệt là khi xu hướng thế giới đang dần dịch chuyển từ nền kinh tế hướng về sản phẩm sang nền kinh tế tri thức. Vì vậy, bài viết này được thiết kế nhằm mục tiêu làm rõ ảnh hưởng của vận dụng các kỹ thuật KTQT đương đại đến thành quả tài chính và phi tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết năng lực động

Lý thuyết năng lực động là sự mở rộng của lý thuyết dựa trên nguồn lực nhằm nhấn mạnh đến sự phù hợp năng động giữa nguồn lực và môi trường, giúp tái định hình lại nguồn lực của doanh nghiệp trong việc thích ứng với môi trường kinh doanh đang phát triển (Teece và cộng sự, 1997). Một số học giả tiếp cận ở cấp độ khái niệm nhằm xem xét liệu các thuộc tính của nguồn lực có thể giải thích hiệu quả hoạt động hay không. Theo Nguyễn Quang Thu và cộng sự (2017) năng lực động có khả năng giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc chuyển đổi các nguồn lực trong doanh nghiệp. Tương tự, Nhâm Phong Tuấn và Yoshi (2010) nhận thấy cách tiếp cận năng lực động nhấn mạnh các cấp độ nguồn lực cụ thể ảnh hưởng đến thành quả, trong đó một nguồn lực cụ thể tương ứng với một năng lực động cụ thể. Trong ngữ cảnh vận dụng KTQT, một số quan điểm xem KTQT là một năng lực động (Glyptis và cộng sự, 2021). Lý thuyết này cho thấy thực tiễn vận dụng KTQT phải năng động và có khả năng thích ứng để hỗ trợ các mục tiêu chiến lược, lợi thế cạnh tranh của tổ chức và phản ứng với những thay đổi trên thị trường.

Những quan điểm này cho rằng việc sử dụng hệ thống KTQT để lập kế hoạch và quản lý sự thay đổi chiến lược trong kinh doanh chính là cốt lõi của định nghĩa năng lực động.

2.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu và xây dựng giả thuyết

2.2.1. Kế toán quản trị đương đại

Theo Nuhu và cộng sự (2023) các phương pháp KTQT đương đại được thúc đẩy và phát triển từ khi Kaplan và Johnson (1987) công bố tác phẩm “Relevance Lost: The Rise and Fall of Management Accounting” với lời kêu gọi cần thiết phát triển các KTQT tiên tiến hơn nhằm bổ sung những hạn chế của những kỹ thuật KTQT truyền thống trước đó. Từ sau những năm 1980, một số KTQT đương đại đã được phát triển như tính chi phí dựa trên hoạt động (ABC), quản lý dựa trên hoạt động (ABM), thẻ điểm cân bằng (BSC); chi phí mục tiêu; chi phí chất lượng; kế toán thông lượng và KTQT chiến lược đã được phát triển để khắc phục những hạn chế của phương thức KTQT truyền thống và đáp ứng nhu cầu của môi trường kinh doanh đang thay đổi (Wu và cộng sự, 2007). Các kỹ thuật KTQT đương đại được cho là có khả năng liên kết các hoạt động, quy trình với kết quả chiến lược vì chúng hỗ trợ thực hiện các ưu tiên chiến lược, nên các hoạt động kế toán quản trị đương đại được coi là tập trung vào chiến lược (Chenhall và Langfield-Smith, 1998).

2.2.2. Ảnh hưởng của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả doanh nghiệp

Đã có nhiều công trình nghiên cứu trước đây cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mối liên hệ giữa việc vận dụng KTQT đương đại và thành quả của doanh nghiệp. Một số kết quả nghiên cứu đã chỉ ra việc vận dụng

các kỹ thuật KTQT đương đại có tác động tích cực đồng thời đến các khía cạnh thành quả tài chính và phi tài chính trong doanh nghiệp (Afonina, 2015; Adu-Gyamfi và Chipwere, 2020).

Tuy nhiên, một số nghiên cứu nhận thấy rằng vận dụng KTQT đương đại chỉ tác động đến một khía cạnh thành quả cụ thể, ví dụ như Ojra (2014) và Ahmad (2017) cho rằng việc vận dụng những kỹ thuật KTQT đương đại có ảnh hưởng tích cực đến thành quả phi tài chính, nhưng không có ý nghĩa đối với thành quả tài chính. Ngược lại, một số bằng chứng chỉ ra vận dụng KTQT đương đại tác động tích cực đến thành quả tài chính (Alabdullah, 2019; Khan và cộng sự, 2021). Hơn thế nữa, việc vận dụng KTQT đương đại có thể sẽ không mang lại thành quả như mong đợi nếu việc vận dụng những kỹ thuật này không phù hợp với bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp. Bằng chứng từ Ittner và cộng sự (2003) cho thấy mối liên quan tiêu cực giữa việc sử dụng BSC và thành quả tài chính trong ngành dịch vụ tài chính ở Mỹ. Duh và cộng sự (2009) lại chỉ ra việc áp dụng một số kỹ thuật KTQT đương đại như ABC, ABM không có mối tương quan đáng kể với bất kỳ thành quả nào trong 219 doanh nghiệp niêm yết tại Trung Quốc.

Tại Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp vận dụng KTQT còn ở mức tương đối thấp và hiệu quả chưa cao (Đoàn Ngọc Phi Anh, 2016). Bởi quá trình vận dụng còn nhiều vướng mắc do thiếu kinh nghiệm cả về lý thuyết và thực tiễn (Lê Thị Tú Oanh và cộng sự). Riêng đối với việc vận dụng KTQT đương đại thì chủ yếu là trong những doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn có tiềm lực

về tài chính, công nghệ và con người (Bùi Thị Ngọc và cộng sự, 2020). Đồng thời, các bằng chứng phần lớn đều cho thấy việc vận dụng KTQT đương đại có tác động tích cực đến thành quả doanh nghiệp (Lê Thị Mỹ Nương, 2020; Trần Thị Phương Lan, 2023). Tuy nhiên, cũng có những nghiên cứu cho thấy các kỹ thuật KTQT đương đại có tác động đến thành quả tài chính nhưng không ảnh hưởng đến thành quả phi tài chính (Phan Thị Thùy Nga, 2021). Thông qua các công trình nghiên cứu tại Việt Nam có thể nhận thấy vai trò và tác động tích cực của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu trên chủ yếu xem xét thành quả tổng thể và chỉ một số ít nghiên cứu xem xét riêng khía cạnh thành quả tài chính và phi tài chính, hơn nữa các kết quả nghiên cứu còn trái ngược. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu thứ nhất được đề xuất như sau:

H1: Vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng tích cực đến thành quả tài chính

H2: Vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng tích cực đến thành quả phi tài chính

2.2.3. Vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng gián tiếp đến thành quả tài chính thông qua trung gian là thành quả phi tài chính

Vai trò trung gian của thành quả phi tài chính trong tác động của gián tiếp của vận dụng KTQT đến thành quả doanh nghiệp cũng được tìm thấy trong những nghiên cứu trước. Hariyati và cộng sự (2019) nhận thấy hệ thống thông tin KTQT không ảnh hưởng trực tiếp đến thành quả tài chính mà sẽ tác động thông qua hiệu suất quy trình nội bộ và thành quả khách hàng. Vì vậy, thông qua việc cải thiện các khía cạnh thành quả phi tài chính trong doanh nghiệp sẽ tạo ra sự phát triển bền

vững về khía cạnh tài chính trong tương lai. Tương tự, Albuhihi và Abdallah (2018) chỉ ra thành quả phi tài chính ở khía cạnh khách hàng làm trung gian đáng kể cho mối quan hệ giữa vận dụng TQM và thành quả tài chính trong doanh nghiệp sản xuất dược tại Jordan.

Tại Việt Nam, Phạm Thị Mỹ Dung (2020) chỉ ra vai trò trung gian tích cực của thành quả phi tài chính trong mối liên hệ giữa vận dụng TQM đến thành quả tài chính. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về chủ đề này còn khiêm tốn, đặc biệt là trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu đo lường quả tài chính mà chưa quan tâm đúng mức đến thành quả phi tài chính. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

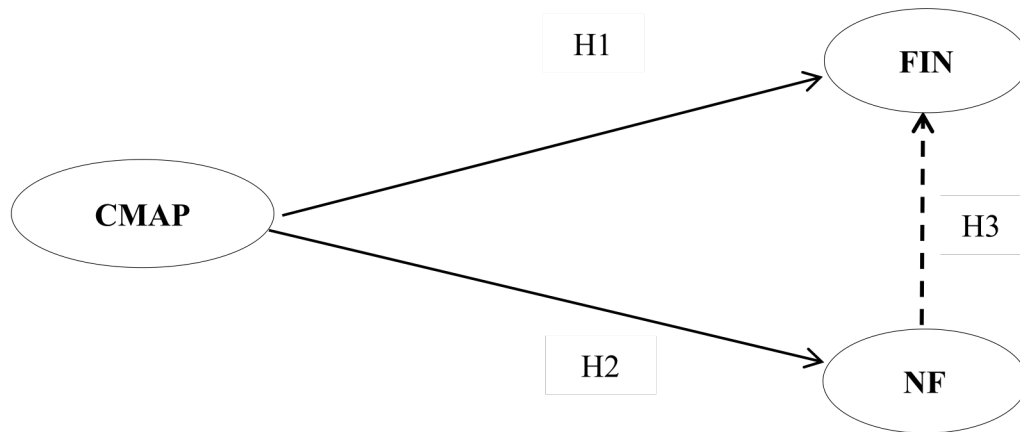
H3: Vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng gián tiếp tích cực đến thành quả tài chính thông qua trung gian là thành quả phi tài chính trong doanh nghiệp

Dựa trên giả thuyết nghiên cứu được xây dựng, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về ảnh hưởng của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả doanh nghiệp trong Hình 1 như sau:

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất và mẫu khảo sát là các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn được phân loại theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP. Mục đích đảm bảo rằng các doanh nghiệp được lựa chọn có khả năng tổ chức và vận dụng KTQT trong doanh nghiệp vì doanh nghiệp nhỏ thường ít có nhu cầu hoặc không đủ nguồn lực để tổ chức và vận dụng KTQT (Hoque, 2004). Bên cạnh đó, để đảm bảo tính tin cậy, tác giả chọn đối tượng trả lời khảo sát



(Nguồn: Tác giả thiết kế)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu

là những nhà quản lý cấp trung trở lên như kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính, giám đốc. Tổng cộng có 600 bảng hỏi được phát ra cho cả ba khu vực Bắc, Trung và Nam. Kết quả phản hồi là 286 doanh nghiệp, tuy nhiên trong số đó có 39 phản hồi không đáp ứng đủ điều kiện, còn lại 247 phản hồi có giá trị được sử dụng để phân tích dữ liệu, đạt tỷ lệ 41,2%. Trong tổng số phản hồi có 154 doanh nghiệp sản xuất (62.35%) và 93 doanh nghiệp thương mại và dịch vụ (37.65).

2.3.2. Đo lường biến nghiên cứu

a. Đo lường biến vận dụng KTQT đương đại:

Tất cả các kỹ thuật KTQT đương đại đều được lựa chọn dựa trên các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam và được điều chỉnh cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời mức độ vận dụng kỹ thuật KTQT được đo theo thang đo Likert năm điểm thông qua việc đặt các câu hỏi liên quan đến nhận định của người được khảo sát từ 1 (không sử dụng) đến 5 (luôn sử dụng). Bảng 1 trình bày danh sách các kỹ thuật KTQT đương đại được sử dụng trong nghiên cứu.

b. Đo lường biến thành quả doanh nghiệp:
 Nghiên cứu tiếp cận dựa trên đánh giá của nhà quản lý về thành quả tài chính và thành quả phi tài chính trong doanh nghiệp.

Bảng 2: Tổng hợp thang đo thành quả tài chính

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 3: Tổng hợp thang đo thành quả phi tài chính

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Các tiêu chí đo lường được kế thừa từ những nghiên cứu trước và được so sánh giữa thực tế và kỳ vọng của doanh nghiệp trong thời gian 3 năm (từ 2018 đến 2020) theo thang đo Liker 5 điểm, từ 1 (thấp hơn rất nhiều) đến 5 (cao hơn rất nhiều). Cách đo lường này đã được sử dụng rộng rãi bởi nhiều tác giả trong nghiên cứu kế toán quản trị (Govindarajan và Fisher, 1990).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định mô hình đo lường

Hair và cộng sự (2021) cho rằng để đảm bảo độ tin cậy của chỉ báo thì các biến quan sát phải có hệ số tải ngoài ≥ 0.7 . Kết quả kiểm định cho thấy hệ số tải ngoài của CMAP 2 là

Bảng 1: Tổng hợp thang đo vận dụng KTQT đương đại

Kỹ thuật KTQT đương đại	Mã hóa	Nguồn
Tính giá dựa trên hoạt động	CMAP 1	
Chi phí mục tiêu	CMAP 2	
Lập dự toán dựa trên hoạt động	CMAP 3	
Quản lý chất lượng toàn diện	CMAP 4	Chenhall và
Sản xuất tinh gọn (Just in time)	CMAP 5	Langfield Smith
Phân tích lợi nhuận khách hàng	CMAP 6	(1998), Angelakis
Quản lý dựa trên hoạt động	CMAP 7	và cộng sự,
Đánh giá thành quả dựa trên giá trị kinh tế giá tăng	CMAP 8	(2010), Đoàn
Đánh giá thành quả dựa trên thước đo phi tài chính	CMAP 9	Ngọc Phi Anh
Thẻ điểm cân bằng	CMAP 10	(2016)
Phân tích vòng đời sản phẩm	CMAP 11	
Phân tích vị thế cạnh tranh	CMAP 12	
Phân tích chuỗi giá trị	CMAP 13	

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

0.608 và CMAP 11 là 0.667, đều nhỏ hơn 0.7. Vì vậy, hai biến quan sát CMAP 2 và CMAP 11 được loại trừ để đảm bảo yêu cầu về độ tin cậy. Kết quả độ tin cậy của thang đo trong Bảng 4 cho thấy các biến nghiên cứu CMAP, FIN và NF đều có hệ số Cronbach's Alpha, độ tin cậy tổng hợp (CR) và hệ số tin cậy (ρ_A) lớn hơn 0.7 (Hair và cộng sự, 2021). Bên cạnh đó, các biến tiềm ẩn đều có hệ số AVE > 0.5. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình đo lường đáp ứng điều kiện về độ giá trị hội tụ của thang đo. Thang đo đạt độ tin cậy và kết quả phỏng vấn là phù hợp với số liệu thực tế.

Hair và cộng sự (2021) đề xuất sử dụng ma trận HTTM để đánh giá độ giá trị phân biệt trong mô hình PLS-SEM. Kết quả trong Bảng 5 cho thấy tất cả các giá trị đều nhỏ hơn 0.85 (Hair và cộng sự, 2021). Như vậy, mô hình đo lường đáp ứng điều kiện về độ giá trị phân biệt của thang đo.

3.2. Kiểm định mô hình cấu trúc

a. *Kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến:* Kết quả kiểm định đa cộng tuyến trong Bảng 6 cho thấy tất cả các biến quan sát đều có VIF < 5 (Hair và cộng sự, 2021). Vì vậy, không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

b. *Đánh giá hệ số R^2 :* Kết quả kiểm định cho thấy hệ số R^2 hiệu chỉnh của biến tiềm ẩn

Bảng 4: Bảng tổng hợp độ tin cậy và giá trị hội tụ của thang đo

	Cronbach's Alpha	rho_A	CR	AVE
CMAP	0.920	0.923	0.932	0.555
FIN	0.915	0.917	0.934	0.704
NF	0.867	0.869	0.896	0.518

(Nguồn: Trích xuất từ phần mềm Smart PLS 3)

Bảng 5: Bảng kết quả ma trận HTTM

	CMAP	FIN	NF
FIN	0.501		
NF	0.706	0.667	

(Nguồn: Trích xuất từ phần mềm Smart PLS 3)

NF có giá trị là 0.419, điều đó có nghĩa là mô hình giải thích được khoảng 41.9% biến thiên của thành quả phi tài chính trong doanh nghiệp. Kế đến là biến tiềm ẩn FIN có hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0.362 nghĩa là mô hình giải thích được khoảng 36.2% sự biến thiên của thành quả tài chính.

c. *Kiểm định mô hình cấu trúc:* để đánh giá mức ý nghĩa và sự phù hợp của các tác động, nghiên cứu thực hiện thủ tục Bootstrap phi tham số lặp lại 5000 lần cho 247 quan sát để đảm bảo yêu cầu kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính, kết quả thể hiện trong Hình 2 và Bảng 7. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận.

Kết quả cho thấy các giả thuyết H1 và H2 lần lượt được chấp nhận với mức ý nghĩa là 5% và 1%. Kết quả này hàm ý rằng việc vận

dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng tích cực đến thành quả tài chính và phi tài chính trong doanh nghiệp.

Tương tự, giả thuyết nghiên cứu H3 được chấp nhận với mức ý nghĩa 1%. Kết quả này cho thấy việc vận dụng KTQT đương đại có ảnh hưởng gián tiếp tích cực đến thành quả tài chính thông qua trung gian là thành quả phi tài chính. Đồng thời cũng hàm ý rằng khi doanh nghiệp vận dụng các kỹ thuật KTQT đương đại trong dài hạn sẽ cải thiện thành quả tài chính thông qua việc cải thiện các khía cạnh thành quả phi tài chính trong doanh nghiệp.

4. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu tán đồng quan điểm của những nghiên cứu trước khi cho rằng việc chấp nhận rộng rãi các kỹ thuật KTQT đương đại trong doanh nghiệp sẽ mang lại những

Bảng 6: Hệ số VIF

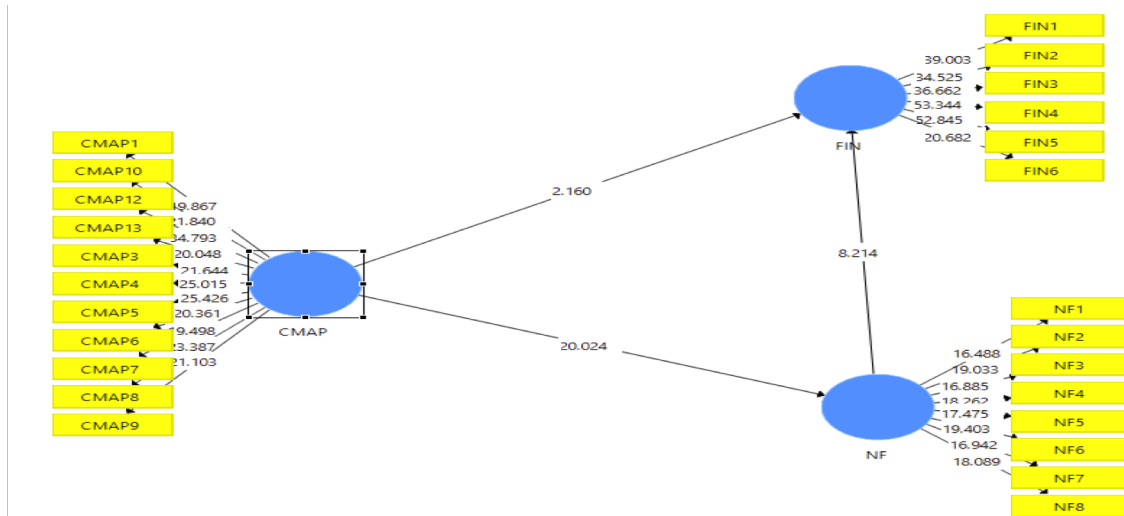
Biến	VIF	Biến	VIF
CMAP1	3.076	FIN1	3.182
CMAP3	3.258	FIN2	2.914
CMAP4	2.327	FIN3	2.496
CMAP5	2.147	FIN4	3.669
CMAP6	1.87	FIN5	3.656
CMAP7	2.446	FIN6	1.749
CMAP8	2.425	NF1	2.18
CMAP9	2.097	NF2	2.353
CMAP10	1.949	NF3	1.922
CMAP12	2.301	NF4	1.764
CMAP13	1.837	NF5	1.729
		NF6	2.155
		NF7	2.247
		NF8	2.168

(Nguồn: Trích xuất từ phần mềm Smart PLS 3)

Bảng 7: Tổng hợp kết quả kiểm định mô hình cấu trúc

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số đường dẫn	Độ lệch chuẩn	t-value	p-values	Kết luận
H1	CMAP → FIN	0.136	0.063	2.160	0.031	Chấp nhận
H2	CMAP → NF	0.649	0.032	20.024	0.000	Chấp nhận
H3	CMAP → NF → FIN	0.330	0.044	7.549	0.000	Chấp nhận

(Nguồn: Trích xuất từ phần mềm Smart PLS 3)



(Nguồn: Trích xuất từ phân mềm Smart PLS 3)

Hình 2: Kết quả mô hình cấu trúc

thay đổi tích cực và qua đó cải thiện thành quả (Đoàn Ngọc Phi Anh, 2012; Cleary, 2015; Nuhu và cộng sự, 2016). Bằng chứng thực nghiệm cho thấy việc vận dụng các kỹ thuật KTQT đương đại có tác động tích cực đồng thời đến cả hai khía cạnh thành quả tài chính và phi tài chính trong doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả trên cũng tương đồng với những nghiên cứu trước đây (Afonina, 2015; Adu-Gyamfi và Chipwere, 2020; Alvarez và cộng sự, 2021).

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn phát hiện ảnh hưởng gián tiếp và tích cực của việc vận dụng KTQT đương đại đến thành quả tài chính thông qua trung gian là thành quả phi tài chính. Nó có nghĩa là khi doanh nghiệp vận dụng KTQT đương đại sẽ cải thiện các khía cạnh thành quả phi tài chính như quy trình hoạt động, năng lực nhân viên, khoa học công nghệ và từ đó giúp nâng cao năng lực hoạt động và cải thiện lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Kết quả trong dài hạn sẽ giúp doanh nghiệp đạt được những thành quả tài chính

bền vững trong tương lai. Đây cũng là xu hướng hiện nay của các doanh nghiệp trên thế giới khi tìm kiếm những lợi thế khác biệt và nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua các giá trị phi tài chính.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn tại Việt Nam nên có kế hoạch và lộ trình tiếp cận và vận dụng những kỹ thuật KTQT đương đại thích hợp với nhu cầu và môi trường hoạt động của doanh nghiệp nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh và thành quả tài chính. Cụ thể, đối với những doanh nghiệp quy mô lớn có nền tảng nguồn lực vững vàng và đã triển khai một số kỹ thuật KTQT đương đại thì có thể tiếp tục vận dụng có chiều sâu hơn và áp dụng rộng rãi hơn một số kỹ thuật chiến lược như Thẻ điểm cân bằng; Phân tích vị thế cạnh tranh; Phân tích chuỗi giá trị. Ngược lại, các doanh nghiệp quy mô vừa với nguồn lực hạn chế có thể tiếp cận từ những kỹ thuật như Tính giá dựa trên hoạt động, đây là kỹ thuật gần nhất với kỹ thuật tính giá truyền

thông nên mức độ chuyển đổi sẽ dễ dàng hơn, và nó đồng thời là nền tảng của một số kỹ thuật khác.

Tương tự như các nghiên cứu thực nghiệm khác, nghiên cứu này cũng không tránh khỏi một số hạn chế mà các nghiên cứu tiếp theo cần cân nhắc.

- Thứ nhất, nghiên cứu này kiểm tra về khả năng vận dụng của các kỹ thuật KTQT đương đại, mặc dù đã được giải thích và hướng dẫn trả lời bằng câu hỏi một cách cụ thể, nhưng vẫn có khả năng những người được hỏi hiểu sai một số mục trong bảng hỏi.

- Thứ hai, nghiên cứu này chỉ xem xét tác động của vận dụng KTQT đương đại đến thành quả doanh nghiệp mà bỏ qua khía cạnh vận dụng KTQT truyền thống. Trong khi đó, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang áp dụng các kỹ thuật KTQT truyền thống là chủ yếu. Vì vậy, các nghiên cứu trong tương lai có thể bổ sung thêm việc xem xét tác động đồng thời của cả KTQT truyền thống và KTQT đương đại đến thành quả doanh nghiệp. ♦

Tài liệu tham khảo:

Lê Thị Mỹ Nương (2020). *Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện Kế toán quản trị chiến lược và sự tác động đến thành quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam*. Đề tài Tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP.HCM.

Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Trần Nha Ghi (2017). *Mối quan hệ giữa nguồn lực doanh nghiệp, năng lực động và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu*. *Tạp chí*

Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á, 28(12), 5-21.

Thái Anh Tuấn (2019). *Ảnh hưởng của các nhân tố đến việc áp dụng kỹ thuật kế toán quản trị trong các DN miền bắc Việt Nam*. Đề tài Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Trần Thị Phương Lan (2023). *Các nhân tố tác động đến vận dụng kỹ thuật kế toán quản trị chiến lược và thành quả hoạt động tại các doanh nghiệp Việt Nam*. Đề tài Tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP.HCM.

Adu-Gyamfi, J., & Chipwere, K. Y. W. (2020). The Impact of Management Accounting Practices on the Performance of Manufacturing Firms; An Empirical Evidence from Ghana. *Research Journal of Finance Accounting*, 11(20), 100-113.

Afonina, A. (2015). Strategic management tools and techniques and organizational performance: Findings from the Czech Republic. *Journal of Competitiveness*, 7(3), 19-36.

Ahmad, K. (2017). The implementation of management accounting practices and its relationship with performance in small and medium enterprises. *International Review of Management and Marketing*, 7(1), 342-353.

Alabdullah, T. T. Y. (2019). Management accounting and service companies' performance: Research in emerging economies. *Australasian Accounting, Business and Finance Journal*, 13(4), 100-118.

Alamri, A. M. (2019). Association between strategic management accounting facets and organizational performance. *Baltic Journal of Management*, 14(2), 212-234.

Albuhisi, A. M., & Abdallah, A. B. (2018). The impact of soft TQM on financial performance: The mediating roles of non-finan-

cial balanced scorecard perspectives. *International Journal of Quality & Reliability Management*, 35(7), 1360-1379.

Al-Khadash, H. A., & Feridun, M. (2006). Impact of strategic initiatives in management accounting on corporate financial performance: evidence from Amman Stock Exchange. *Managing Global Transitions*, 4(4), 299-312.

Alvarez, T., Sensini, L., Bello, C., & Vazquez, M. (2021). Management Accounting Practices and Performance of SMEs in the Hotel Industry: Evidence from an emerging economy. *International Journal of Business Social Science*, 12(2), 24-35.

Angelakis, G., Theriou, N., & Floropoulos, I. (2010). Adoption and benefits of management accounting practices: Evidence from Greece and Finland. *Advances in Accounting*, 26(1), 87-96.

Asmilia, N., & Sugiyarti, L. (2020). Managerial Performance: The Mediating Role of Strategy Management Accounting Techniques on Competitive Advantage and Organization Performance. *Economics and Accounting Journal*, 3(2), 80-89.

Baines, A., & Langfield-Smith, K. (2003). Antecedents to management accounting change: a structural equation approach. *Accounting, Organizations and Society*, 28(7-8), 675-698.

Bùi Thị Ngọc, Lê Thị Tú Oanh, Nguyễn Thị Thanh Phương (2020). Management Accounting Practices among Vietnamese small and Medium Enterprises. *Asian Economic Financial Review*, 10(1), 94-115.

Chenhall, R. H. (2008). Accounting for the horizontal organization: A review essay.

Accounting, Organizations and Society, 33(4-5), 517-550.

Chenhall, R. H., & Langfield-Smith, K. (1998). The relationship between strategic priorities, management techniques and management accounting: an empirical investigation using a systems approach. *Accounting, Organizations and Society*, 23(3), 243-264.

Chia, A., Goh, M., & Hum, S. H. (2009). Performance measurement in supply chain entities: balanced scorecard perspective. *Benchmarking: An International Journal*, 16(5), 605-620.

Cleary, P. (2015). An empirical investigation of the impact of management accounting on structural capital and business performance. *Journal of Intellectual Capital*, 16(3), 566-586.

Đoàn Ngọc Phi Anh (2012). Factors Affecting Strategic Management Accounting in Vietnam's Medium and Large-Sized Enterprises. *Journal of Economic Development*, 214, 81-90.

Đoàn Ngọc Phi Anh (2016). Factors affecting the use and consequences of management accounting practices in a transitional economy: The case of Vietnam. *Journal of Economics Development*, 18(1), 54-73.

Duh, R.-R., Xiao, J. Z., & Chow, C. W. (2009). Chinese firms' use of management accounting and controls: facilitators, impediments, and performance effects. *Journal of International Accounting Research*, 8(1), 1-30.

Glyptis, Hadjielias, Christofi, Kvasova, O., & Vrontis, D. (2021). Dynamic familiness capabilities and family business growth: A longitudinal perspective framed within

management accounting. *Journal of Business Research*, 127, 346-363.

Govindarajan, V., & Fisher, J. (1990). Strategy, control systems, and resource sharing: Effects on business-unit performance. *Academy of Management Journal*, 33(2), 259-285.

Hair Jr, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2021). A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) (3rd Ed). Thousand Oaks, California: Sage Publications.

Hariyati, H., Tjahjadi, B., & Soewarno, N. (2019). The mediating effect of intellectual capital, management accounting information systems, internal process performance, and customer performance. *International Journal of Productivity and Performance Management*, 68(7), 1250-1271.

Hoque, Z. (2004). A contingency model of the association between strategy, environmental uncertainty and performance measurement: impact on organizational performance. *International Business Review*, 13(4), 485-502.

Ittner & Larcker (1997). Quality strategy, strategic control systems, and organizational performance. *Accounting, Organizations Society*, 22(3-4), 293-314.

Ittner, C. D., Lanen, W. N., & Larcker, D. F. (2002). The association between activity-based costing and manufacturing performance. *Journal of Accounting Research*, 40(3), 711-726.

Ittner, C. D., Larcker, D. F., & Randall, T. (2003). Performance implications of strategic performance measurement in financial services firms. *Accounting, Organizations and Society*, 28(7-8), 715-741.

Joshi, P. L., Kumar, R., & Al-Ajmi, J. (2011). An empirical study of the use and usefulness of financial, non-financial and subjective measures for performance evaluation in industrial companies in Bahrain. *International Journal of Managerial and Financial Accounting*, 3(2), 140-169.

Kaplan, R. S. and Norton, D. P., (1996). *The Balanced Scorecard-Translating Strategy into Action*, Boston, Harvard Business School Press.

Kaplan, R.S., and Norton, D.P. (2001), *The Strategy-Focused Organization*, Harvard Business School Press, Boston, MA.

Khan, A., Ullah, M., Alam, M. M., Qazi, U., & Saeed, A. (2021). Strategic Management Accounting Practices and Financial Performance of Banking Sector in Pakistan. *Indian Journal of Economics and Business*, 20(3), 1705-1714.

Kober, R., Subraamanniam, T., & Watson, J. (2012). The impact of total quality management adoption on small and medium enterprises' financial performance. *Accounting Finance*, 52(2), 421-438.

Lê Thị Tú Oanh, Bùi Thị Ngọc, Trần Thị Thu Phong & Nguyễn Quốc Hưng (2020). Factors affecting the application of management accounting in Vietnamese enterprises. *Uncertain Supply Chain Management*, 8(2), 403-422.

Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyen, T. H. T., Nguyen, T. H. L., & Nguyen, T. H. H. (2021). Management Accounting Practices in Vietnamese Enterprises. In *Management Accounting in China and Southeast Asia: Empirical Studies on Current Practices* (pp. 161-189). Cham: Springer International Publishing.

Nhâm Phong Tuấn & Yoshi, T. (2010). Organizational capabilities, competitive advantage and performance in supporting industries in Vietnam. *Asian Academy of Management Journal*, 15(1), 1-21.

Nuhu, N. A., Baird, K., & Appuhami, R. (2016). The association between the use of management accounting practices with organizational change and organizational performance. *Advances in Management Accounting*, 26, 67-98.

Ojra, J. (2014). *Strategic management accounting practices in Palestinian companies: Application of contingency theory perspective*. Doctoral dissertation, University of East Anglia.

Park, J. H., Lee, J. K., & Yoo, J. S. (2005). A framework for designing the balanced supply chain scorecard. *European Journal of Information Systems*, 14, 335-346.

Phạm Thị Mỹ Dung. (2020). On the relationship between total quality management practices and firm performance in Vietnam: The mediating role of non-financial performance. *Management Science Letters*, 10(8), 1743-1754.

Shibani, A., & Gherbal, N. (2018). Using the balanced scorecard as a strategic management system in the Libyan construction industry. *Management Studies*, 6(1), 1-19.

Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. *Strategic Management Journal*, 18(7), 509-533.

Vărzaru, A. A., Bocean, C. G., Mangra, M. G., & Mangra, G. I. (2022). Assessing the Effects of Innovative Management

Accounting Tools on Performance and Sustainability. *Sustainability*, 14(9), 5585.

Wajdi, F., & Arsjah, R. J. (2019). The influence of organizational capabilities, strategic management accounting on organizational performance mediated by competitive advantage in companies in Indonesia. *Research Journal of Finance and Accounting*, 10(22), 141-151.

Summary

This study examines the association between contemporary management accounting practices with financial performance and non-financial performance in Vietnam enterprise. Data were collected based on survey distributed to 247 medium and large sized enterprise in Vietnam. The quantitative data collected was analyzed using the Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) approach. The research results indicate that contemporary management accounting practices have positive impacts on both financial performance and non-financial performance. Besides, contemporary management accounting practices have positive indirect on financial performance through non-financial performance. Therefore, the study recommends that organizations should establish a well-defined strategic roadmap for the adoption of contemporary management accounting techniques tailored to their specific operational context. This approach is essential for improving overall business performance.